

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2022/DS-PT**

Ngày: 21/02/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- *Các Thẩm phán:*

1. Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

2. Ông Trần Văn Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Liễu Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Từ Thị Kỳ, Kiểm sát viên.

Ngày **21** tháng **02** năm **2022**, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 64 ấp L, xã B, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 6B, khu X, ấp C, xã T, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Lê Trường X**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

* *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn **Nguyễn Quốc H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:*

Vào năm 2019, bà có cho ông Nguyễn Quốc H mượn tiền nhiều lần với số tiền tổng cộng là 180.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 24/02/2019, ông H mượn bà 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%, trả lãi mỗi tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng kể từ ngày vay tiền, có biên nhận do ông H viết và ký tên, sau khi vay ông H có trả lãi cho bà được 03 tháng (tháng 3, 4, 5/2019) với số tiền 15.000.000 đồng rồi ngưng luôn, hiện còn nợ bà 50.000.000 đồng vốn và lãi tạm tính từ tháng 6/2019 đến ngày khởi kiện 10/9/2020 là 13.280.000 đồng (50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 16 tháng).

- Lần 2: Ngày 13/3/2019, ông H mượn bà 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%, trả lãi mỗi tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng kể từ ngày vay tiền, có biên nhận do ông H viết và ký tên, sau khi vay ông H có trả lãi cho bà được 03 tháng (tháng 4, 5, 6/2019) với số tiền 9.000.000 đồng rồi ngưng luôn, hiện còn nợ bà 30.000.000 đồng vốn và lãi từ tháng 7/2019 tạm tính đến ngày 10/9/2020 là 7.470.000 đồng (30.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 15 tháng).

- Lần 3: Ngày 19/5/2019, ông H mượn bà 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%, trả lãi mỗi tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng kể từ ngày vay tiền, có biên nhận do ông H viết và ký tên, sau khi vay ông H không có trả vốn, lãi cho bà, hiện còn nợ bà 100.000.000 đồng vốn và lãi tạm tính từ ngày 19/5/2019 đến ngày 10/9/2020 là 28.220.000 đồng (100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 17 tháng).

Bà đã đến đòi tiền nhiều lần, nhưng ông H chỉ hứa hẹn nhưng không trả. Nay bà yêu cầu ông H phải trả cho bà tiền vốn 180.000.000 đồng và tiền lãi (tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện 10/9/2020 là 48.970.000 đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà đã nhận 03 tháng tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng là 15.000.000 đồng và nhận 03 tháng tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng là 9.000.000 đồng, còn số tiền 100.000.000 đồng, ông H không có trả lãi. Bà thay đổi yêu cầu số tiền lãi bà đã nhận của ông H vượt quá quy định pháp luật trừ vào vốn, phần còn lại tính lãi theo mức lãi suất 1,66% cho đến ngày 12/3/2021.

* *Bị đơn ông Nguyễn Quốc H* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H vẫn không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị B và ông H đều vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

* *Người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Vào năm 2019, ông có viết dùm ông H các biên nhận vay tiền: Biên nhận ngày 24/02/2019 và biên nhận ngày 19/5/2019 đều do ông viết dùm, nhưng dòng tên Nguyễn Quốc H, sinh năm 1974, CMND 311416084 đều do ông H viết và phân cuối biên nhận do ông H ký tên và ghi Nguyễn Quốc H; riêng biên nhận ngày 13/3/2019 do ông viết dùm, cuối biên nhận do ông H ký tên và ghi Nguyễn Quốc H.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B.

Buộc ông Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền 215.381.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm tám mươi một ngàn đồng), trong đó

tiền vốn 159.984.000 đồng, tiền lãi 55.397.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/3/2021. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Quốc H chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30/3/2021, bị đơn Nguyễn Quốc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27 tháng 12 năm 2021, ông Lê Trường X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Quốc H trình bày: tháng 2/2018 ông Nguyễn Quốc H có vay của bà Huỳnh Thị B số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, ông H trả lãi đầy đủ đến khoảng tháng 6 và tháng 7 năm 2018. Đến tháng 2 năm 2019 thì còn nợ 06 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng, nên biên nhận ngày 13/3/2019 là tiền lãi. Đến tháng 5/2019, bà Huỳnh Thị B và ông Nguyễn Quốc H thỏa thuận cộng số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng là 80.000.000 đồng, ông H nợ 02 tháng tiền lãi nữa là 16.000.000 đồng, tổng cộng 96.000.000 đồng, nhưng hai bên thống nhất ghi số tiền nợ 100.000.000 đồng. Do đó, biên nhận 100.000.000 đồng là bao gồm tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi; 03 biên nhận do bà Huỳnh Thị B cung cấp ông H không có ký. Ông Nguyễn Quốc H kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền 50.000.000 đồng vốn và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật và có yêu cầu Tòa án giám định chữ ký tên và chữ viết họ, tên trong 03 biên nhận do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, sau đó ông Lê Trường X rút yêu cầu giám định.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Quốc H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Quốc H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[2.1] Nguyên đơn Huỳnh Thị B có cho ông Nguyễn Quốc H vay 03 lần, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, cụ thể: ngày 24/02/2019 vay 50.000.000 đồng, đã trả được 03 tháng tiền lãi là 15.000.000 đồng; ngày 13/3/2019 vay 30.000.000 đồng, đã trả được 03 tháng tiền lãi là 9.000.000 đồng và ngày 19/5/2019 vay 100.000.000 đồng, chưa trả tiền lãi. Tổng cộng, ông Nguyễn Quốc H vay của bà Huỳnh Thị B là 180.000.000 đồng vốn

và trả được 24.000.000 đồng tiền lãi của hai khoản vay 50.000.000 đồng và 30.000.000 đồng. Nguyên đơn Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc H trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng; yêu tính lãi theo mức lãi suất 1,66% đối với từng khoản vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm; bà Huỳnh Thị B đồng ý trừ vào số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định vào tiền vốn.

[2.2] Bản án sơ thẩm nhận định nguyên đơn Huỳnh Thị B cung cấp cho Tòa án 03 biên nhận ngày 24/02/2017, ngày 13/3/2019 và ngày 19/5/2019, có chữ ký tên và viết tên Nguyễn Quốc H (bút lục 32, 33, 34), nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Quốc H thì không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà B và vắng mặt tại phiên tòa, nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị B và buộc ông Nguyễn Quốc H trả cho bà Huỳnh Thị B tổng cộng vốn, lãi là 215.381.000 đồng (trong đó tiền vốn 159.984.000 đồng và tiền lãi 55.397.000 đồng), là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Ông Nguyễn Quốc H kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Trường X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Quốc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đã trình bày tại phiên tòa ngày 27/12/2021. Bà Huỳnh Thị B không thừa nhận số tiền nợ gồm vốn, lãi và xác định 03 khoản vay là riêng biệt, không có lãi. Ông Lê Trường X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Quốc H cũng thừa nhận ông H không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh số tiền 180.000.000 đồng gồm tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi cộng dồn, đồng thời ông Lê Trường X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Quốc H rút yêu cầu giám định.

[4] Xét, ông Lê Trường X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Quốc H chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định, nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh số tiền 180.000.000 đồng mà bà Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc H trả gồm vốn và lãi cộng dồn; không chứng minh được các chữ ký tên trong 03 biên nhận không phải của ông Nguyễn Quốc H. Trong khi đó, người làm chứng Nguyễn Văn Đ xác định biên nhận ngày 24/02/2019 và biên nhận ngày 19/5/2019 đều do ông viết dùm, nhưng dòng chữ “*tôi Nguyễn Quốc H, sinh năm 1974, CMND 311416084*” đều do ông H viết và phần cuối biên nhận do ông H ký tên và ghi Nguyễn Quốc H; riêng biên nhận ngày 13/3/2019 do ông viết dùm, cuối biên nhận do ông H ký tên và ghi Nguyễn Quốc H. Đồng thời ông Nguyễn Văn Đ cũng xác định ông có trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà Huỳnh Thị B với ông Nguyễn Quốc H. Ông Nguyễn Quốc H kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ gì khác chứng minh yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ.

[5] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B.

Buộc ông Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền vốn 159.984.000 đồng và tiền lãi 55.397.000 đồng. Tổng cộng là 215.381.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm tám mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Quốc H chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và nộp 10.769.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005619 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, nên ông H phải nộp tiếp 10.769.000 đồng.

Hoàn lại bà Huỳnh Thị B số tiền 5.725.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002199 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thành phố MT;
 - Chi cục THADS thành phố MT;
 - Các đương sự;
 - Công thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ vụ án; án văn.
- Tâm-DSPT-2022

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm